

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 23 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 88

Thứ tám, là môn Đại, giải thích về sự nhận thức v.v... Bài tụng trước đã nêu bốn trường hợp, tức là bốn môn.

Trong giải thích của Văn xuôi:

1. Giải thích về môn sự trí. Hai trí tà, chánh đồng “duyên” một cảnh, để chấp “không”, chấp khác. Khi chánh trí khởi, chẳng phải là phá hoại cảnh của tà trí kia, mà chỉ bỏ chấp bất chính nơi cảnh này.

2. Giải thích về chuyển biến các hạnh như lạc v.v...

3. Giải thích về tỉnh, không tỉnh nói kinh, đều như văn rất dễ hiểu.

4. Giải thích về Niết-bàn có hai thứ: đầu tiên, là nói Niết-bàn viên mãn. Sau nói về phần Niết-bàn kia.

Trong phần trước: Luận sư Cảnh nói: “Tùy thuận truyền dạy, nghĩa là ghi nhận nói, tức ghi nhận luân tâm.

Răn dạy, nghĩa là tức luân dạy răn miệng nghiệp của lậu tận thông, thần biến tức luân thông của thân, “Đức Như lai tùy ý muốn ghi nhận nói tâm kia, cho đến “nếu lần lượt diệt tâm lâu xa”, nghĩa là ở đời quá khứ tâm đã diệt trong nhiều kiếp vô lượng.

Nếu tâm đã diệt trong thế gian, nghĩa là tất cả tâm trong đời trước.

Nếu tâm chuyển của sở duyên ở hiện tại, nghĩa là tâm đã khởi ở một đời hiện tại, từ định khởi xong, cho đến không y cứ ở sát-na, giải thích tâm diệt vô gián, tâm diệt lâu xa của duyên trước. Nếu tâm chuyển của sở duyên ở hiện tại, đều y cứ ở chủng loại, không y cứ vào sát-na, đã nói như trước.

Đức Như lai đều nói từ tâm định, từ định khởi xong, tùy niệm phân biệt, nghĩa là vì đồng với tướng Nhị thừa, nên nói thế này: “Đây là trí tha tâm, biết khắp ba đời, biết khắp nhiều tâm số, không đồng với trí

tha tâm của Nhị thừa, chỉ “duyên” tâm như như ở hiện tại, không biết tâm số pháp v.v...

Luận sư Bị nói: “Trong văn này trí tha tâm đã biết việc quá khứ với trí túc mạng đâu có khác nhau?”

Giải thích: “Nếu biết bên tâm pháp, gọi là trí tha tâm, biết các biên sự, gọi là trí túc mạng, tâm muốn biết lúc phương tiện của trí tha tâm. Phương tiện của túc mạng muốn biết các việc.”

Luận sư Đạt nói: “Lại dựa vào ba pháp trở xuống, là giải thích lại ba môn thuận với truyền dạy v.v... ở trước.”

Dưới đây, là nói về phần Niết-bàn kia. Luận sư Đạt nói “Vì tương tự Niết-bàn nên nói rằng phần Niết-bàn kia, như uống, ăn khi đói, khát gọi là tiểu Niết-bàn.

Thứ chín, môn Đại giải thích về sự tranh luận v.v... trước là bài tụng nêu bảy môn:

1. Tranh cãi.
2. Mầm.
3. Nhiễm lớn của kiến.
4. Một đường.
5. Học.
6. Bốn sự sợ hãi.

Nửa bài tụng dưới là môn thứ bảy. Trong giải thích của Văn xuôi, đầu tiên là giải thích môn tranh cãi, nói là A-tử-la, là tên riêng của người.

Ma-đăng-kỳ, nghĩa là Chiên-trà-la nữ, tên là Ma-đăng-kỳ. Chiên-trà-la nam, tên là Ma-đăng-già. Hai tên này là tên chung. Người nữ này chỉ dùng khăn lau làm kế sinh nhai. Người đời giả lập sự giàu to, nhiều của. Đức Như lai vì họ cũng nói đến của cải nhiều.

Thứ hai, là trong giải thích về môn Mầm, trước là nêu chung. Kế là, giải thích sơ lược. Sau phân biệt tính toán rộng.

Y cứ trong giải thích sơ lược, trước, nói về một nhân. Sau, nói về hai duyên. Luận sư Cảnh nói: “Năm phẩm Hạnh:

- 1/ Tự tánh các hạnh.
- 2/ Nhân duyên các hạnh.
- 3/ Nhân tạp nhiễm.
- 4/ Nhân thanh tịnh.
- 5/ Là thanh tịnh.

Nhân duyên tạp nhiễm trong năm thứ này, tức là hạt giống phiền não. Theo đuổi Lại-da làm nhân, dùng bốn thức trụ làm duyên. Lại,

do hỷ tham nhuần thấm nghiệp, làm cho mầm nối tiếp nhau, gọi là “duyên”. Luận sư Đạt nói: “Tức năm uẩn, gọi là năm phẩm hạnh. Trong phần phân biệt, nói trong đây có một, cho đến không bao giờ được sinh. Người này hiện đang tạo nghiệp mới và tăng trưởng. Về sau, thành La-hán, khiến hạt giống sẽ hư mục, có mầm không mọc.

Nói “Lại nữa, nói có một, cho đến “La-hán kia về sau có mầm cũng không mọc được”, đây là y cứ giải thoát phần viên mãn. Hoặc y cứ ở một trăm kiếp, sáu mươi kiếp v.v... Tức ở hiện thân vì có khả năng nhập quả trên, nên làm cho có mầm bất sinh. Lại nữa, “Có một người trụ trong địa hữu Học, cho đến “bất sinh lại”, nghĩa là sinh cõi Dục hết, địa trên vẫn còn có, trái với cõi này, phải biết rằng, tất cả có mầm (mầm hữu) đều được tăng trưởng, nghĩa là trái với ba người trên, chính là ngoại đạo, phàm phu có mầm tăng trưởng.”

Thứ ba, là giải thích kiến nhiễm lớn. Luận sư Cảnh nói: “1- Kiến; 2- Phiền não khác. Kiến tạp nhiễm nghĩa là chấp ngã, ngã sở. Lại có kiến khác, đây là căn bản mà các ngoại đạo đều thú hưởng. Bốn kiến còn lại thú hưởng đến sáu mươi hai kiến v.v... lấy ngã kiến làm gốc. Ngoài ra, phiền não là tạp nhiễm thứ hai. Lại, khi thoát khỏi kiến nhiễm, với kiến khác cũng thoát khỏi cái khác, các kiến cũng thoát khỏi, chứ chẳng phải khi thoát khỏi cái khác, các kiến cũng thoát khỏi. Vì sao? Do sự sinh trong đây, dựa vào đạo thế gian, cho đến lìa tham dục của vô sở hữu xứ, giải thoát mà chưa thoát khỏi thân kiến, tức là hàng phục tu. Mà không hàng phục kiến, lại có thể dứt kiến hoặc tu hoặc cũng dứt. Do kiến này, nên ở địa trên, dưới đã có các hành hòa lẫn với tự thể, không quán khác nhau, chấp chung làm ngã, hoặc chấp ngã sở. Văn này là nói ngã kiến. Chấp chung các hành của cửu địa làm nguyên do của ngã. Đạo xuất thế, trước dứt trừ thân kiến. Sau, hẳn dứt dứt phiền não khác. Cho nên chỉ kiến tạp nhiễm là tạp nhiễm lớn. Luận sư Đạt nói: “Do kiến dứt trừ tất cả hoặc, gọi là kiến tạp nhiễm. Tu dứt trừ tất cả “hoặc”, gọi là phiền não khác, ngoại trừ thân kiến, bốn kiến khác gọi là kiến thủ ngoài. Văn này nói rằng, chưa thoát khỏi Tát-ca-da kiến, nên biết rằng, dựa vào đạo thế gian, chỉ hàng phục tu hoặc, không hàng phục kiến hoặc. Lại nói rằng: “Ở địa trên, dưới đã có tự thể hòa lẫn của các hành, không quán khác nhau, nên biết rằng, theo nghĩa của Đại thừa. Ngã kiến cũng duyên địa mình, người nhưng “duyên” chung, chứ chẳng phải “duyên” riêng. Vì chỉ thân ở địa cõi Dục dưới, mới “duyên” địa trên, nên văn trên nói rằng: “do sinh này”. Nhưng không thấy có văn thân sinh lên địa trên, ngã kiến “duyên” địa dưới. Tự xem xét thứ lớp

vấn dưới sinh lên địa trên, cũng “duyên” pháp của địa dưới làm ngã, nên nói chấp chung làm ngã hoặc chấp ngã sở do nhân duyên này, dù lên Hữu Đảnh, nhưng về sau lại lui sụt.”

Tam Tạng Pháp sư nói: “Thân sinh địa trên, thân cũng “duyên” pháp của địa dưới làm ngã. Như văn Quyết Trạch, tham của địa trên “duyên” địa dưới, ở đây cũng thế”.

Thứ tư, giải thích một đường, nên biết do đạo của ba thứ tướng, gọi là một đường nghĩa là dùng năm hành tướng của địa phàm phu để quán sát các hành, tức tu đối trị các hành này trong hai thời gian, sao cho thanh tịnh, rằng đối với hạnh hưởng Địa hữu học và Địa Vô học, cộng với phàm phu ở trước kia làm ba tướng.

“Cho nên gọi là năm hành v.v... trở xuống, là nêu riêng năm hành”.

Luận sư Đạt nói: “Nói năm xứ, nghĩa là năm xứ uẩn.

Nói tự tánh, nghĩa là chỉ tự tánh của các hành hữu lậu thuộc về khổ đế.

Nói nhân duyên của các hành, nghĩa là thuộc về tập đế, có công năng chiêu cảm nhân duyên của khổ đế.

Nhân duyên tạp nhiễm, nghĩa là hỷ, ái.

Nhân duyên thanh tịnh: tai họa lỗi lầm.

Thanh tịnh: đã chứng đắc diệt đế.

Thứ năm, là giải thích về Hữu Học. Luận sư Cảnh giải thích: “Những gì là năm hành? Nghĩa là quán sát các hành, nhân duyên các hành, nhân duyên tạp nhiễm, nhân duyên thanh tịnh, diệt, vì vắng lặng. Gom chung năm hành trước thành một. Thứ hưởng đạo thanh tịnh, vì xuất ly, tức nhân thanh tịnh ở trước. Vì các thứ các hành có rất nhiều tánh, tức là tự tánh của các hành thứ nhất, vì mỗi tự hạt giống đã sinh, nghĩa là giải thích riêng về nhân.

Mỗi nhân đều chờ duyên khác mới sinh khởi. Nghĩa là giải thích riêng về duyên của các hành. Từ đây về sau, hợp cả hai để giải thích nhân duyên của các hành”.

Luận sư Đạt cho rằng: “Nói năm xứ, nghĩa là như trước.

Về hành tướng khác nhau của năm thứ trong đây:

1. Nêu chung năm hành tướng trước để làm hành tướng khác nhau ban đầu.

2. Thứ hưởng đạo thanh tịnh, vì xuất ly, là hành tướng thứ hai, giúp đỡ thành hành tướng ban đầu. Hành tướng thứ nhất được xuất ly thanh tịnh.

3. Vì nhiều thứ tánh của các hành, nên là hành tướng thứ ba, giải thích lại hành tướng này trở thành tự tánh của các hành.

4. Vì mỗi tự hạt giống đã sinh khởi, nên là hành tướng thứ tư, giải thích lại trở thành nhân duyên các hành.

5. Đều đợi duyên khác mà sinh khởi, nên là hành tướng thứ năm, giải thích chung bốn hành tướng ở trước, đợi duyên mới sinh”.

Có chỗ giải thích: “Quyết định chung năm hành, lược tạo nên bốn Đế:

1/ Khổ đế, tức các hành ban đầu.

2/ Tập đế tức cảnh hạnh kế đó.

3/ Diệt đế, tức cảnh hạnh thứ tư.

4/ Diệt vắng lặng, vì được thanh tịnh.

Luận rằng: “Vì diệt vắng lặng, nên ý ở đây. Đạo đế tức hành thứ năm. Đạo đã tự thanh, vì hay làm cho tịnh diệt, ở dưới là giải thích lại ba câu. Một câu đầu, giải thích các hành trên. Hai câu sau, giải thích nhân duyên của hành.

Thứ sáu, là giải thích về bốn thứ sợ hãi. Luận sư Cảnh giải thích: “Do bốn nhân duyên phát sinh sợ hãi đối với hai nơi chốn, có thể gây ra chướng ngại:

1. Đối với các hành hữu vi.

2. Đối với Niết-bàn sinh sợ hãi.

Do sinh sợ hãi, nên đối với Thánh giáo kia, kể cả Niết-bàn, bất sinh lạc thọ, gọi là chướng ngại. Do bốn nhân duyên:

1/ Đối với địa vị, sinh sợ, nghĩa là ở trong địa vị phi Thánh, sinh ra sợ hãi.

2/ Nếu nương tựa pháp này sinh khởi, nghĩa là đối với các hành, chấp ngã, ngã sở làm nương tựa, nghe nói “vô ngã” mà sinh ra sợ hãi.

3/ Sinh khởi như thế, nghĩa là do các hành của hai thứ đổi thay, hư hoại, sinh ra sợ hãi.

a. Do duyên khác đã đổi thay, hư hoại, nghĩa là vì trái thuận với duyên khác nên, hoặc “duyên” già, bệnh mà sinh sợ hãi.

b. Do tâm mình khởi tà phân biệt, mà đổi thay hư hoại, đối với một cảnh, mà tà tâm phân biệt, hoặc có, hoặc không, hoặc thường, vô thường v.v... mà sinh sợ hãi.

4/ Hành tướng sinh khởi, nghĩa là đối với điều mình ưa thích, lo sợ, sẽ phải đổi thay, hư hoại, sinh ra hành tướng sợ hãi. Đối với cảnh đang thay đổi, hư hoại, sinh ra hành tướng phiền não v.v...

Trên đây, nói chung là thứ nhất, đối với hành hữu vi mà sinh sợ

hãi. Lại, đối với Niết-bàn, biết tự thể, mãi mãi đổi thay, hư hoại, khởi lên hành tướng sợ hãi.

Hành tướng như thế, lúc chuyển khác nhau, đối với ưa Thánh giáo và ái lạc, gọi là che lấp hai xứ. Lại, do hai môn, tự chỗ “sở hành” đối với cảnh sở duyên, chấp ngã, ngã sở chuyển biến một cách khác nhau, nghĩa là tìm kiếm là kiến lãnh thọ là thọ”.

Có chỗ giải thích: “Trong đây, tức sở quán của năm hành nhân duyên, như hành của các hành, được gọi là năm nơi chốn”.

Thứ bảy, là giải thích về thuyết thiện, thuyết ác, tức trụ tùy niệm khác nhau. Luận sư Cảnh giải thích: “trong đây, trước, dựa vào thuyết ác, chấp thường, vô thường thuyết thiện thì không như thế. Kế là, dựa vào thuyết ác, biết không như thật khổ sinh vị ái. Đối với hành của ba đời, như thứ lớp, nảy sinh đoái tưởng đến sự hôn hử và không thể tu nhằm lìa, lìa dục. Người khéo nói pháp trái với pháp xấu ác kia.”

Thứ ba là người nói ác, tà hạnh như thế, bị tiêm nhiễm bởi bốn nhiễm, có thể cảm hữu sau.

“Do sức tăng thượng của hai thứ này v.v...” trở xuống, là giải thích về sự phế lập thuyết thiện ác, kia. Nói riêng, kiến mạn và lý do tham, rất dễ hiểu. Trong các hành, không xem xét, so lường người khác, v.v... gọi là kiến. Xét tra, so lường, gọi là mạn. Tà chấp như thế, là phẩm vô minh, nghĩa là nói chung, kiến, mạn cho là vô minh. Do vô minh này là trước hết phát khởi tham, chấp mắc, gọi là phẩm ái. Do hai thứ phiền não căn bản này, nên trôi lăn trong sinh tử không dứt. Vô minh là đầu tiên của duyên khởi sau này, nên sinh tử không gián đoạn. Khéo nói pháp có công năng dứt trừ bốn thứ tạp nhiễm.

Luận sư Đạt nói: “Mặc dù có phiền não khác v.v...” trở xuống, là giải thích về hàng phục chung vấn nạn. Người ngoài nạn rằng: “Có vô lượng phiền não, sao chỉ nói có ba thứ kiến, mạn ái là phiền não tạp nhiễm ư?”

Nay, lược giải thích chung: “Dù có “hoặc” khác, mà chỉ lấy ba thứ này là vì chúng mạnh mẽ hơn hết, nên nói riêng.

“Ngân ấy phiền não v.v... là phân biệt rộng, hàng phục chung vấn nạn.

Lại, “Kiến ở trong đây và ngã mạn” v.v... trở xuống, là giải thích tản mạn về sự khác nhau của các danh trong kinh.

Thứ mười, môn Đại giải thích không có nhằm chán v.v... Tụng nêu tám môn:

1/ Không nhằm chán tai họa, không có dục.

2/ Hỏi, ghi nhận không có rối loạn.

3/ Tướng.

4/ Chương.

5/ Hiếm lạ.

6/ Không có nhân.

7/ Hư hỏng.

8/ Ròng nhiễu đều cùng có về sau.

Trong giải thích của Văn xuôi, đầu tiên chính là nói không có nhàm chán dục.

Kế là, vắn lại, có nhàm chán dục.

Thứ hai, giải thích về hỏi, ghi nhận không có rối loạn. Trước là chung hai thứ. Sau, là giải thích riêng hai thứ. Trong phần trước, nói “Nếu có người niềm tin thanh tịnh, hỏi với tâm tốt, hoặc các ngoại đạo đến thưa hỏi, người hỏi với lòng dạ xấu ác.

Dưới đây, là giải thích riêng hai thứ: Trước, là hỏi riêng về sinh, diệt, nói không có rối loạn. Sau, y cứ hỏi phạm hạnh, nói về ghi nhận không có rối loạn.

Trong phần trước, nói dựa vào Trung đạo, dựa vào Trung đạo để đáp.

“Lúc hỏi về sinh diệt trong các hành, không thêm vào hữu tình, không bớt đi sự thật, không tăng ích có chúng sinh chân thật là chân sinh diệt, vì chúng sinh giả lập, không có pháp thể.

Dưới đây sẽ nói về pháp nhân duyên sinh diệt, huyễn hữu có sinh, có diệt, không được bác bỏ rằng, pháp nhân duyên không có sinh, không có diệt, vì sẽ trở thành tổn giảm! Chỉ đối với các hành, an lập sinh, diệt không rối loạn mà ghi nhận thôi.

Dưới đây, là nói lia hai bên. Thứ hai, là trong phần hỏi về Phạm hạnh, nói ghi nhận không rối loạn. Luận sư Cảnh nói: “hoặc có người nói “Vì sao mà Sa-môn Kiền-Đáp-Ma đã tu tập phạm hạnh v.v... ? Chính Du-Bà-Ma-La Tử”.

“Nếu gặp phải câu hỏi này cho đến “gọi là ghi nhận không rối loạn”, nghĩa là hoặc có người hỏi “Vì sao chung trong đa số chúng Sa-môn, nói Du-Bà-Ma-La-Tử v.v... gọi là tu phạm hạnh, không dẫn dắt người khác? Nếu gặp câu hỏi này thì nên nói như trước, nếu trong tâm chúng hoàn toàn không nêu tên một người thì không biết nói chúng nào tu tập phạm hạnh lại trở nên tổn giảm. Nếu nói rộng tên Sa-môn khác, thì quá rườm rà, tức là trở thành tăng ích.

Nay, xưng hô một tên v.v... tất cả tên khác đều lia tăng giảm. Nếu

cho rằng hữu tình có thể tu nhiếp, tịnh, gọi là Tăng, nói đều không có tu tập, gọi là giảm. Nếu vì các hạnh nhằm chán lia dục diệt, mà tu tập ấy, thì đó gọi là Trung đạo.”

Lại, có chỗ giải thích: “Nói Kiều Đáp Ma, tức xưa gọi là Cù-đàm, là dòng họ Phật”.

Có người hỏi: “Vì sao chính Đức Phật đã tu tập Phạm hạnh?” nếu gặp câu hỏi này, thì sẽ dựa vào Trung đạo, ghi nhận rằng không tăng ích có thật sự hữu tình tu tập nhiếp, tịnh, cũng không tổn giảm, đều không có tu tập.

Thứ ba, là giải thích tướng: hữu vi, vô vi, gọi là có ba tướng. Nói tánh khác, của tánh khác, nghĩa là khi chưa chết về sau, đồng loại sinh diệt, vì mỗi niệm riêng, nên gọi là tánh khác của tánh khác.

Chuyển biến tánh khác, nghĩa là như qua đời xong, từ có căn sinh ra vô căn.

Thứ tư, là giải thích chướng. Đầu tiên là nói về chướng, không có chướng. 2- Nói về tướng của bậc Thánh, trong đó nói về hai tướng:

1. Các căn trừ chướng.
2. được Phật thọ ký.

Kế là, nói về ba tướng. Luận sư Cảnh nói: “Do ba thứ tướng cho đến “Ta đã biết rõ”, nghĩa là do ba thứ tướng, nên nói là do hai thứ, tức là hướng về tướng của hai bậc Bậc thánh ở trước:

1. Chủng tánh mãn.
2. Chỉ vật loại, nghĩa là ghi nhận xong, qua đời v.v...

Dưới đây là giải thích văn kinh:

Pháp, tùy pháp. Pháp là chánh kiến, trước hành Thánh đạo. Tùy pháp, nghĩa là nương tựa vào pháp ý v.v... văn, tư kia. Lại, “Ta không hề nào loạn chỗ mà chánh pháp nương tựa”. Nghĩa là do đức Thế tôn là chỗ dựa của chánh pháp, lẽ ra nên nói: “Ta không hề nào loạn đức Thế tôn”. Luận sư Đạt nói: “Chỉ ghi nhận vật loại, nghĩa là như kinh khác nói “Phật thọ ký cho Đáp-Bà-Ma-La Tử, mạng quá khứ, sau là chỗ sinh.

Nói Đáp-Bà-Ma-La Tử, Hán dịch là vật loại.

Có chỗ giải thích: “trong đây có Ba tướng:

1. Pháp.
2. Tùy pháp.
3. Không xúc nào chỗ nương tựa của chánh pháp.

Thứ năm, là giải thích pháp ít có, lược có hai thứ:

1. Chưa tin, khiến tin, đã tin, khiến tăng trưởng.

2. Nhanh chóng đối với thánh giáo, khiến được ngộ nhập.

Nói “Đầu, giữa, sau đều thiện”, môn nhiếp khác như trước, phần giữa đã nói môn thiện lúc đầu trong bảy thiện.

Nói “Hai đời hiện tại, quá khứ, vì khác nhau nên gọi là khác nhau thứ hai”, nghĩa là hiện tại, gọi là đời này, quá khứ gọi là đời khác. Đối với cõi Dục ở trước, là đời này, với cõi trên là đời khác, nên nói “khác nhau thứ hai”.

Thứ sáu giải thích về vô nhân:

Nói: “Do có hai tướng:

1. Vì không biết rõ nhân duyên sinh, khởi.
2. Vì không biết rõ nguyên nhân diệt tận.

Thứ bảy, trong giải thích về sự chê bai. Trước giải thích về sự chê bai. Sau, giải thích về diệt hai vô trí.

- Trong phần trước lược có hai thứ:

- 1- Chỉ lời nói là tự khen, chê người khác.
- 2- Chánh hạnh nói pháp, dù không có khen chê, mà là chân thật tự khen, chê người khác.

Thứ tám, là giải thích về thuận nhiễm đều có ở môn sau. Luận sư Cảnh nói: “Mười một tướng: Năm uẩn này tức là năm, lại do hoàn toàn phẩm hạ là thứ sáu. Lại, do nhiễm, tịnh trở xuống, còn có hai tướng, cộng với trước thành tám. Lại do ba tướng cộng với trước là mười một, cũng rất dễ hiểu năm môn, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần của ba đời trước, có mười một thứ”. Luận sư Đạt v.v... chỉ nói giải thích sau.

Thứ mười một là Môn Đại, giải thích về Thiểu dục trụ v.v... bài tụng trước nêu mười tám môn:

1. Thiểu dục.
2. Trong tự tánh v.v... có ba môn ghi nhận ba, lại có ba môn, đây là câu đầu có tám môn.
9. Giống với chánh pháp.
10. Nơi chốn của nghi, si.
11. Không ghi nhận.
12. Đổi thay, hư hoại.
13. Đại sư ghi nhận.
14. Ba kiến mãn.

15. Tướng ngu bên ngoài. Chữ “Đẳng” sau cùng, lại có ba môn. Trong giải thích của Văn xuôi, đầu tiên, là giải thích ba tướng của Thiểu dục trụ. Tâm Như lai nhập lý hiện quán của sự xả trong Thiểu dục trụ, gọi là nhân thiểu dục:

1/ Do việc làm rốt ráo.

2/ Do hạnh nhàm chán của đệ tử đã thành.

3/ Vì nhiều sự nghiệp hóa đạo người, khiến họ thiếu dục. Lại, như thuyết kia nói: “Đức Như lai nhập vào vắng lặng, thiên trụ v.v...”. Như quyển tám mươi sáu trước đã nói: “Do tám nhân duyên, đức Như lai nhập vắng lặng thiên trụ, cho đến nói rộng.

Thứ hai, là giải thích tự tánh. Luận sư Cảnh nói: “Các đối tượng giáo hóa lược có bốn hạng, là tánh được điều phục. Tổng số có bốn. Trong nêu chỉ có ba, phải biết rằng, nếu số lắm, bản thảo cũng lắm nên sửa lại là ba”.

Lại, có một cách giải thích: “Lìa ngu si, buông lung là hai”.

Thứ ba, giải thích về bốn thứ sinh cung kính, trụ nhanh chóng chứng vô thượng. Luận sư Cảnh nói: “Thể tánh của cung kính không có vấn”.

Theo Tiểu thừa, nói về yêu kính. Yêu là kính, yêu là tín, kính là dục. Nay, xét giải thích trong đây, giống như lấy tín, dục làm thể của cung kính.

Luận sư Đạt nói: “Có thể sinh tương cung kính đối với bốn chỗ, tức ở dưới nói: “Đối với chỗ nên được”.

Thứ tư, giải thích về ba vô thượng. Luận sư Cảnh nói: “Trong đây, nói chung, hiện pháp lạc trụ của trí đoạn: trí là trí Vô thượng, đoạn là giải thoát của tâm bất động. Hành của lạc Tốc thông, là hiện pháp lạc trụ.

Nói “Phải biết rằng tất cả hành của A-la-hán, đều được gọi là Lạc tốc thông v.v...” nghĩa là dựa vào đây sẽ giải thích sau, tức biết chánh hạnh ở trước không có chi trên, nghĩa là lạc tốc thông, tức y cứ tất cả hạnh của A-la-hán, gọi là Lạc tốc thông, chẳng phải y cứ ở địa để nói về môn bốn hạnh.

Luận sư Đạt nói: “Tất cả bốn hạnh tích của Thân bậc Vô học này, đều gọi là Lạc tốc thông hạnh, không gọi là Lạc trì khổ tốc, khổ trì v.v...”

Dưới đây là giải thích lý do, rằng vì tất cả thô nặng dứt diệt hẳn, nên tất cả việc đã làm xong.

Thứ năm, trong giải thích về hai thời gian là như thật biết về thân kiến. Luận sư Cảnh nói: Trong hai thời gian là môn thứ nhất. Do bốn thứ tướng v.v... là môn thứ hai, tức ở vào hai thời gian vô gián, chứng được các lậu đã dứt dứt hết, là môn thứ ba.

Dưới đây, sẽ theo thứ lớp giải thích: Thế nào là hai thời gian?

1- Ở địa phàm phu, tức nội phàm phu trước Kiến đạo, thực hiện quán vô ngã, biết khắp thân kiến là chấp điên đảo.

2- Ở thời gian kiến đạo, tức dứt trừ phân biệt ngã kiến trong kiến đạo.

Nói “Vì tự tánh cho đến “hoặc làm ngã sở, nghĩa là chỉ đối với tự tánh của hành năm uẩn, chấp ngã, ngã sở. Nơi chốn, nghĩa là cảnh sở duyên: Chấp ngang trong vô ngã, có ngã là cảnh sở duyên.

Đẳng khởi, nghĩa là vô minh thuộc về kiến thủ. Xúc sinh thọ là duyên ái, nói từ thân kiến làm gốc. Kế là, khởi thuộc về kiến, nói về thân kiến ở trước chẳng phải hơn, chấp là hơn. Tương ứng của kiến thủ, tức có vô minh làm duyên sinh lại, thọ “duyên” sinh ái. Pháp như thế v.v... đều do từ đẳng khởi của thân kiến, cũng có thể từ thân kiến đẳng khởi kia, nghĩa là do kiến thủ “duyên” “ngã” chẳng phải hơn mà chấp là hơn, đồng với vô minh và xúc làm “duyên” sinh thọ. Lãnh thọ ở ngã, khởi ái ở ngã. Do ngã ái này, nên khởi thân kiến, quyết định chấp ngã. Ở đây lại có năm thứ lớp duyên khởi, nghĩa là chủng tánh của hạt giống giới làm duyên sinh các thứ tánh v.v... của hạt giống xúc: Giới tức sáu giới, giống như sáu nhập “duyên” “xúc”, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái “duyên” thủ v.v...

“Do quả cho đến:

“1- Lúc dựa vào vô ngã, quán sát kỹ pháp nhãn”, nghĩa là tức quán sát pháp không có nhân trước kiến đạo.

2- Lúc hiện quán, tức ở kiến đạo.

3- Lúc chứng đắc La-hán, đây là nêu ba thời gian. Một thời gian trong đây, do sức Tát-ca-da kiến của tùy miên kia, nên có “hoặc” có “nghe” cho đến “nói là nga sẽ dứt trừ, không ưa thu nhập”, là chướng ngại “nhân” trước kiến đạo. La-hán kia ở vào thời gian khác, dù từ đây qua tịnh, tu tâm mình, lại, đối với thánh đế đã được hiện đế v.v...” là bốn thiện căn, đã được hiện quán tương tự đế, chưa được chân kiến đạo, ở trong đó, vẫn còn khởi phân biệt ngã kiến, mạn v.v... che lấp kiến đạo, đó là chướng ngại trong địa vị thứ hai.

Trong hai địa vị trước “do sức tùy miên làm chướng ngại cho địa vị thứ ba, do sức tập khí làm chướng ngại”, có một giải thích: “Lý thuận theo này đồng với Tiểu thừa: Không nói tu đạo có Câu sinh ngã kiến và mạn, chỉ có kiến dứt trừ phân biệt ngã kiến và tập khí ngã mạn. Trong hai địa vị trước có hạt giống của chánh sử và khởi làm chướng, gọi là tùy miên.

Thứ hai, lại giải thích dựa vào môn thật lý, hai địa vị trước có hiện

khởi phân biệt ngã kiến, mạn v.v... kia là chướng ngại, gọi làm tùy miên là nghĩa sử. Câu sinh kiến mạn trong địa vị thứ ba hiện khởi, gọi là tập khí. Vì chẳng phải dựa vào phân biệt kiến, mạn ở trước mà khởi, nên gọi là tập khí.

Lại, do ba duyên, nên các hành sinh trưởng, là giải thích do ba duyên mà sinh hành Dị thực, hoặc sinh hành phiền não.

Nói “Ở địa vị phàm phu có thể biết khắp, nghĩa là biết được lỗi lầm giả dối của phân biệt kiến mạn, trong kiến địa, có thể được kiến đạo, đã dứt trừ hẳn các lậu.

Kế là dứt trừ kiết khác, chứng được La-hán v.v... Đây là giải thích chướng thứ ba, tức ở vào hai thời gian vô gián, chứng được các lậu dứt hết”.

Thái Pháp sư nói: “Có người giải thích: “Địa vị tu đạo cũng chưa chứng đoạn phân biệt, khởi ngã mạn, chứng”, Tam Tạng Pháp sư không thừa nhận.

Luận sư Đạt nói: “Một thời gian trong đây cho đến” không thích thu nhập” là giải thích thời gian hiện quán thứ hai.

Lại, đối với Thánh đế v.v...” trở xuống, là giải thích thứ ba, thời gian chứng đắc A-la-hán.

Lại có một giải thích: “Cho đến “không thích thú nhập” là giải thích về thời gian thứ nhất.

“La-hán kia ở vào thời gian khác v.v...” trở xuống, là giải thích về thứ ba, do sức tập khí hay gây nên chướng ngại, chỉ cho địa vị thứ ba chỉ có tập khí chướng ngại.

Thứ sáu, là giải thích về năm vấn ký. Đây chính là môn đầu tiên của ba môn ghi nhận trong bài tụng.

“Vì tự tánh”, nghĩa là phải biết rằng, tự tánh của năm thứ sắc v.v... tức năm uẩn.

Nói “Vì hoàn diệt” nghĩa là vì chỉ được đoạn diệt thủ dục tham ở trong các hành, nói dứt trừ dục thủ, dưới đây là giải thích hàng phục vấn nạn:

Nói “La-hán kia vì không thể dẫn ở hiện tại”, nghĩa là trên thân hiện tại của vị A-la-hán kia, vì không thể dẫn hành nghiệp, nên lập bày các hành chỉ có hai thứ:

1. Tạo tác nghiệp Hữu sau trong sinh báo.
2. Tạo tác nghiệp của Hữu sau trong hậu báo, nên nói là “hai thứ”.

Phẩm loại khác nhau, nghĩa là mười một thứ v.v... là năm môn như

môn ba đời v.v...

Lại, phương tiện trôi lăn, nghĩa là phẩm vô minh, ái, tùy theo pháp thích ứng v.v... là giải thích lại trôi lăn. Vì vô minh phát sinh ái thẩm nhuần, nên nói tùy là thích ứng v.v...

Lại. “Do hai duyên” v.v... trở xuống, là giải thích lại trôi lăn.

Thứ bảy, là giải thích về ghi nhận ba xứ thật, ở đây tức ghi nhận câu hỏi thứ hai trong ghi nhận ba môn. Đối với ba xứ, chỉ có bậc Thánh ghi nhận thật, chẳng phải các phàm phu, trừ nghe từ người khác, nghĩa là kiến chấp ngã, ngã sở trong các hành, “ngã” chẳng phải như thật, đây là nghe từ người khác, ngã chẳng phải như thật, dù là phàm phu, nhưng cũng có thể ghi nhận.

“Nếu ngã kiến kia vì dựa vào có chuyển ngã mạn”, là một môn chương, tức là phân biệt ngã kiến làm y chỉ cho ngã mạn, ngã mạn mới được khởi, là y cứ ở phàm phu. Ngã kiến kia dù đã dứt trừ, nhưng ngã mạn này, tất cả đều chưa dứt, nghĩa là phân biệt ngã kiến dù thôi dứt, nhưng ngã kiến này đã sinh ngã mạn ở tu đạo, tất cả chưa dứt, là môn thứ hai. Nếu không có khởi dựa vào ngã mạn, vì không dứt như cũ, nên hiện hành, nghĩa là mạn do Câu sinh thân kiến sinh, ra không vào phân biệt thân kiến mà bậc Thánh vẫn khởi, cho nên nếu không khởi nương dựa vào ngã mạn, vì không dứt trừ như cũ, cho nên hiện hành. Phải biết rằng, hai thứ ngã mạn trong đây:

1. Đối với các hành, chấp mắc hiện hành, Bậc thánh đã dứt trừ, không còn hiện hành nữa, nghĩa là phân biệt ngã mạn.

2. Do thất niệm, suất nhĩ hiện hành, do tùy miên, cho đến vì đối với các Thánh đạo, chưa khéo tu, nên vẫn khởi hiện hành, là Câu sinh ngã mạn. Dù dứt trừ phân biệt ngã kiến, nhưng do tùy miên của mình và vì chưa tu Thánh đạo, cho nên hiện hành Tát-ca-da Kiến, chỉ có tập khí thường xuyên đã theo đuổi, vào thời gian thất niệm (quên mất), làm chỗ dựa cho ngã mạn, khiến cho hiện hành tạm thời v.v....

Tập khí có hai giải thích:

1/ Môn tùy chuyển, vì Bậc thánh vẫn còn có tập khí (thói quen) của phân biệt ngã kiến, nên làm y chỉ cho tu dứt trừ mạn, ngã mạn được khởi.

2/ Nói Câu sinh ngã kiến là Tập khí, vì nương tựa phân biệt ngã kiến sinh, nên gọi là Tập khí. Lại, “Các Thánh cho đến “huống chi quán cộng tướng”, nghĩa là nếu Bậc thánh tư duy tự tướng của các hành: Đất là tánh cứng chắc, gió là tánh xao động v.v... thì còn không để cho ngã mạn hiện hành, huống chi là quán cộng tướng của khổ, vô ngã v.v... mà

được ngã mạn hiện hành.

Nói “Nếu đối với pháp giả cho đến “Tạm thời được hiện hành”, lại, nếu suy nghĩ pháp giả bình, chậu v.v... Trụ trong chánh niệm, cũng khiến cho ngã mạn không hiện hành. Nếu đối với pháp giả, không trụ ở chánh niệm, chấp có thật ngã v.v... thì ngã mạn sẽ được hiện hành.

Lại “Tát-ca-da Kiến, trong sự nối tiếp nhau của bậc Thánh thì tùy miên và triền, đều chưa dứt hẳn, đó là Câu, sinh, kiến, mạn đã dứt.

Nói “tập khí theo đuổi trong địa vị học chưa thể dứt trừ dứt”, nếu các tùy miên của ngã mạn và triền, đều chưa dứt hẳn thì đó là Câu, sinh, kiến, mạn.

Lại, “chấp dục của ngã v.v... trở xuống, là giải thích rộng văn kinh. Luận sư Bị nói: “Tát-ca-da Kiến chỉ có tập khí v.v...”, Tam Tạng Pháp sư đưa ra hai giải thích:

1/ “Đây là tùy miên của câu sinh ngã kiến”. Hỏi: “Nếu vậy, thì vì sao hạt giống của phân biệt ngã kiến ở trước, gọi là tùy miên, còn hạt giống của Câu sinh ngã kiến ở đây, gọi là tập khí?”

Đáp: “Vì hạt giống của phân biệt ngã kiến mạnh, nên gọi là tùy miên, còn hạt giống Câu sinh này yếu, nên gọi là Tập khí”.

2/ Giải thích: “Trước kia nói do tùy miên, nghĩa là hạt giống của phân biệt ngã kiến, ở đây nói rằng tập khí, lại là tập khí tàn dư của phân biệt ngã kiến, vì tập khí của phân biệt ngã kiến, nên có thể làm y chỉ cho Câu sinh ngã mạn”.

Luận sư Đạt nói: “Nói ba xứ:

1/ Xứ của kiến chấp ngã, ngã sở.

2/ Xứ của phân biệt ngã mạn.

3/ Xứ của Câu sinh ngã mạn.

Thứ tám, là giải thích hai thứ an ủi, hỏi han, tức là ghi nhận câu hỏi thứ ba trong ba sự ghi nhận.

Nói “Phải biết rằng câu hỏi này bằng nhau trong bốn địa vị”, nghĩa là có bốn câu hỏi trong hỏi yên vui. Như thứ lớp phối hợp với bốn địa vị, rất dễ hiểu.

Thứ chín, là giải thích chánh pháp tương tự, trong đó:

1. Dẫn kinh, nói sơ lược về kiến chấp pháp tương tự.

Trong phần trước, Luận sư Cảnh nói: “Đại ý, hai nhà tà, chánh cùng giải thích chung thuyết trong kinh. Nói “A-la-hán không thuận, cũng có “Vô tri” trong sự v.v...”, nên gọi là “không thuận”m là đối với uẩn, giới, xứ v.v... là việc vật ăn trong hiện pháp, hoặc thuận, không thuận, không biết như thật”.

Kế là nêu nghĩa tà, vấn nạn về nghĩa chánh:

Nói “A-la-hán không thuận, không thuận là phân biệt giả dối không như lý, chẳng phải A-la-hán không thuận với hiện pháp. Họ tự giải thích: “Vì sao? Vì La-hán kia hiện có thể nhìn thấy việc vật ăn v.v... không thể nói rằng, không thuận với hiện pháp, nhưng trong kinh lại nói “không thuận”, là vì có mật ý riêng. Do nhân duyên này, các A-la-hán, sau khi diệt độ đã không thuận với các hành, không hiểu rõ chấp mắc, tự nói: “Sanh tử của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân hậu hữu. Đối với những sự việc ở vị lai, không khéo thấu rõ kinh, nói là không thuận”. Dưới đây, nhà chánh nghĩa phân biệt là quấy, nên nói: “Phải biết rằng, đây là tương tự chánh pháp”. Kiến do thế lực của hai thứ nghĩa làm duyên. Các đồng phạm hạnh hoặc Đại Thanh văn, vì muốn đoạn diệt kiến cùng cực chánh pháp tương tự, nên tạo tác công dụng. Chớ khiến cho người kia, hoặc chỉ bảo cho người khác v.v... biết”.

Luận sư Đạt nói:

“1/ Chính dẫn văn kinh, để giải thích câu không thuận của A-la-hán.

2/ Nói: “A-la-hán v.v...” trở xuống, là Luận sư giải thích về nghĩa không thuận. “Không thuận” trong kinh cho đến La-hán vì có “vô tri” trong sự, nên không phân tích rõ uẩn giới của vật thực, nên nói là “không thuận”. Vô tri, hoặc gọi là “không thuận”.

Y cứ cách giải thích của Luận sư, nghĩa bất chính đầu tiên trong “không thuận”, nghĩa “không thuận” của nhà giải thích.

2/ “Phải biết rằng, đây là chánh pháp tương tự” trở xuống, là nhà chánh nghĩa giải thích về nghĩa “không thuận”.

Y cứ trong nhà giải thích của nghĩa bất chính: 1- Hội giải thích về văn kinh. 2- “Do nhân duyên này v.v...” trở xuống, nói biết rõ về Pháp sự không chấp mắc. 3- “Cho nên, đức Thế tôn v.v...” trở xuống, dẫn kinh để chứng thành nghĩa bất chính.

Luận sư cho rằng: “Bậc A-la-hán chẳng phải không biết rõ Pháp sự, vì hiện có thể trông thấy, đây là thức ăn, đây là y phục, đây là uẩn giới v.v... nên không chấp mắc.”

Nhà chánh nghĩa phá rằng: “Người A-la-hán bỏ thân này, tức là nhập Niết-bàn vô dư y. vậy ở chỗ nào nói rằng, sau La-hán diệt độ, không chấp trước và chấp trước.” Văn giải thích của Nhà chính nghĩa rất dễ hiểu.

Do hai thứ nghĩa:

1. Chớ khiến cho người kia, hoặc tự bày tỏ nói, cho đến địa cùng cực cõi dưới.

2. Hoặc do kính yêu giáo pháp của Phật, chớ nhân kiến chánh pháp tương tự như thế, khiến cho giáo ẩn diệt. Do hai nghĩa này, nên muốn đoạn chánh pháp tương tự.

Thứ hai, tùy nghĩa nói rộng, có thể sinh ra nhân kiến chấp chánh pháp tương tự, trong đó chia làm ba:

1. Nêu hai nhân có thể sinh kiến chánh pháp tương tự.

2. Nói về dứt trừ hai nhân, nên nói hai chánh pháp.

3. Nói chưa dứt trừ thân kiến có hai lỗi. Y cứ trong giả thứ, nói vì dứt trừ hai nhân, nên nói hai chánh pháp:

1. Chánh pháp vô thường.

2. Chánh pháp vô ngã, gọi là đối trị một nhân, hoặc trị chung hai nhân.

Đối với nội dung trong bốn chuyển, Luận sư Cảnh nói: “Sau Như lai diệt độ, với bốn trường hợp hữu vi, vô vi, cũng có cũng không, chẳng phải có. Chẳng phải không, gọi là bốn chuyển.”

Thái Pháp sư nói: “Y cứ chuyển bốn trường hợp như hữu vi v.v... để nói, nên nói rằng bốn chuyển.”

Nói “Ngã của Thanh văn, Độc giác, Phật, Thế tôn, gọi là Như lai. Phải biết rằng hai thứ giả lập ngã này: Hữu vi giả lập trong hữu dư y. là Vô học của Ba thừa, y cứ chung, đều gọi là Như lai. Nương đạo như thật lai thành Chánh giác, chỉ “ngã” của hữu vi giả lập trong hữu dư y, “ngã” của vô vi được giả lập trong vô dư y.

Dưới đây sẽ y cứ thắng nghĩa để dứt trừ.

Nói “Nếu dựa vào thắng nghĩa thì chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, tức là thích hợp với chân tánh; hữu vi trống không như huyễn, vì là “duyên” sinh.

Nói “cũng chẳng phải vô vi, cũng chẳng phải hữu vi: cho nên tương đương với vô vi không có thật không khởi giống như hoa đốm trong hư không. Hữu vi, vô vi đều không thật có thì đâu được y cứ vào chúng để lập ngã giả. Do nói giáo chánh pháp như thế, nên đối với sáu thứ tướng, lúc giác ngộ sinh phải biết dứt hẳn kiến tương tự chánh pháp.

1. Giác ngộ vô thường thuộc về y chỉ.

2. Giác ngộ khổ này ở trong hiện pháp.

3. Giác ngộ của nhậm vận diệt là diệt, đây là dư báo của la-hán nhậm vận diệt.

4. Giác ngộ ở đoạn giới là vắng lặng.

5. Giác ngộ ở lia giới là mất mẽ.

6. Giác ngộ ở diệt giới là mất hẳn.

“Nếu đủ như thế cho đến chấp hý luận”, là quả lối chấp kia, chấp La-hán sau diệt độ, không hiểu rõ về vị lai: “sinh tử của ta đã hết v.v...”

Thứ mười, là giải thích về nơi chốn của nghi. Luận sư Cảnh nói: “Đối với luật pháp nội, cho đến ghi nhận một lần không có sinh, Đức Phật thường quả khởi chấp “có”, “không”, mà đối với qua đời, đệ tử chấp sinh bất sinh.”

Lại, nói “Ngã thường trú của thắng nghĩa cho đến cũng như thuyết trước nói”, nghĩa là trước rằng: “Hai nhân của hữu sau có thể sinh kiến chấp chánh pháp tương tự như thế:

1- Đối với Tát-ca-da Kiến nội tại, chưa thể dứt trừ hẳn.

2- Dựa vào Tát-ca-da Kiến (thân kiến) này, chấp giả đối sĩ phu của trôi lăn, hoàn diệt.

Vì dứt trừ hai thứ nhân như thế, nên nói hai chánh pháp để làm đối trị, nghĩa là đối với thứ lớp các hành, nói rộng về vô thường, vô ngã. Trong bốn chuyển tìm kiếm sĩ phu của Trôi lăn, Hoàn diệt, đều không thể được, nghĩa là nương tựa hữu vi, hoặc dựa vào vô vi v.v...

Nói “Do hai nhân duyên cho đến “Vì không giống nhau, nghĩa là ngoại đạo chấp ngã tự tại, vì hiện thấy không thể tự tại, nên tánh vô ngã rất dễ hiểu rõ dễ dàng. Nhưng các hạnh vô ngã này, về sau, sẽ có thấy, nghe, hay, biết, tạo nghiệp thọ báo, mỗi thứ đều không đồng. Lại khó thấu rõ về vô ngã này, với thể là rất sâu, tướng nó vi tế, giống với hiện hạnh rất sâu.

Luận sư Đạt cho rằng: “Nói hai thứ nơi chốn:

1/ Nói “Là thật v.v...” trở xuống, nói sinh nghi đối với đức Phật.

2/ “Lại nói thắng nghĩa v.v...” trở xuống, là nói sinh nghi đối với thắng nghĩa.

Thứ nhất, đối với Phật sinh nghi: “Vì sao Phật, Thế tôn bài báng, chê bai có kiến và không có kiến, mà tự ghi nhận đệ tử chết mất. Sau khi mất, hoặc ghi nhận một người có sinh, hoặc ghi nhận một người vô sinh ư?”

Thứ hai, trong sinh nghi đối với thắng nghĩa,. Ngoại đạo vấn nạn: “Nếu khiến cho thắng nghĩa không thể được ở trong hiện tại, vị lai, thì vì sao cả ba Luận sư đều nói thắng nghĩa này có ư?”

Nói “Dù tướng mạo này có biết rõ dễ dàng”, nghĩa là đệ tử của Phật pháp dễ hiểu về tướng mạo của vô thường, vô ngã, nên nói “rất dễ

hiểu dễ dàng”. Nhưng tướng mạo ấy không giống nhau, nghĩa là ngoại đạo vì không hiểu vô thường, vô ngã, nên không giống với pháp.

“Phải biết rằng, trong đây v.v...” trở xuống, giải thích rải rác tên khác trong kinh.

Thứ mười một, giải thích không ghi nhận.

Thứ mười hai, giải thích về sự đổi thay, hư hoại, đều như văn rất dễ hiểu.

Thứ mười ba, giải thích về sự ghi nhận của Đại sư.

Nói “Phải biết rằng, luận Đoạn biến tri đối với tất cả hành trong đây, đã nói là Như lai, tức là một luận ở trước là luận đoạn biến tri của các chấp này. Lại, các chấp này nếu chưa đoạn diệt, thì tùy theo quán chúng, sẽ có ba thứ tai hại lỗi lầm. Nếu đã đoạn diệt, sẽ được ba công đức v.v... tức là thứ hai, vì các chấp này dứt trừ luận Biến tri.

Thứ mười bốn, giải thích ba kiến mãi.

Thứ mười lăm, giải thích tướng ngu ngoại, đều như văn, rất dễ hiểu.

Thứ mười sáu, giải thích thành sáu phần. Đây là chữ v.v... sau cuối trong bài tụng, gồm thu môn đầu trong ba môn. Văn xuôi là môn thứ mười sáu. Sáu phần nghĩa là dùng chữ “Lại” xen vào.

Thứ mười bảy, là giải thích hai thứ luận, là môn thứ hai trong Đăng thủ.

Thứ mười tám, là giải thích hai thứ khác nhau của Học, Vô học, là môn thứ ba trong chữ “Đăng”.

Nói năm tướng: Tức ba Vô thượng là ba. Quán pháp thân Phật là thứ tư, thờ phụng Như lai là thứ năm.
